TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Thiền sư Từ Đạo Hạnh qua sử liệu và truyền tích: Hành trạng, dị biệt thác hóa và tồn nghi về môn đồ Pháp Thông - Thiền Nham

ISSN: 2734-9195 08:45 09/11/2026

Pháp Thông - Thiền Nham vẫn là tồn nghi có cơ sở: chưa thay được chứng cứ trực tiếp, nhưng làm hiện một địa vực truyền thừa quanh Trí Quả, Thiên Phúc, Tứ Pháp, lễ cầu đảo, được dị bản Quang Lang - Phạm Vũ nối với dòng Đại Pháp, Sài Sơn.

Tác giả: **Thích Tâm Hiệp**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 11/2026

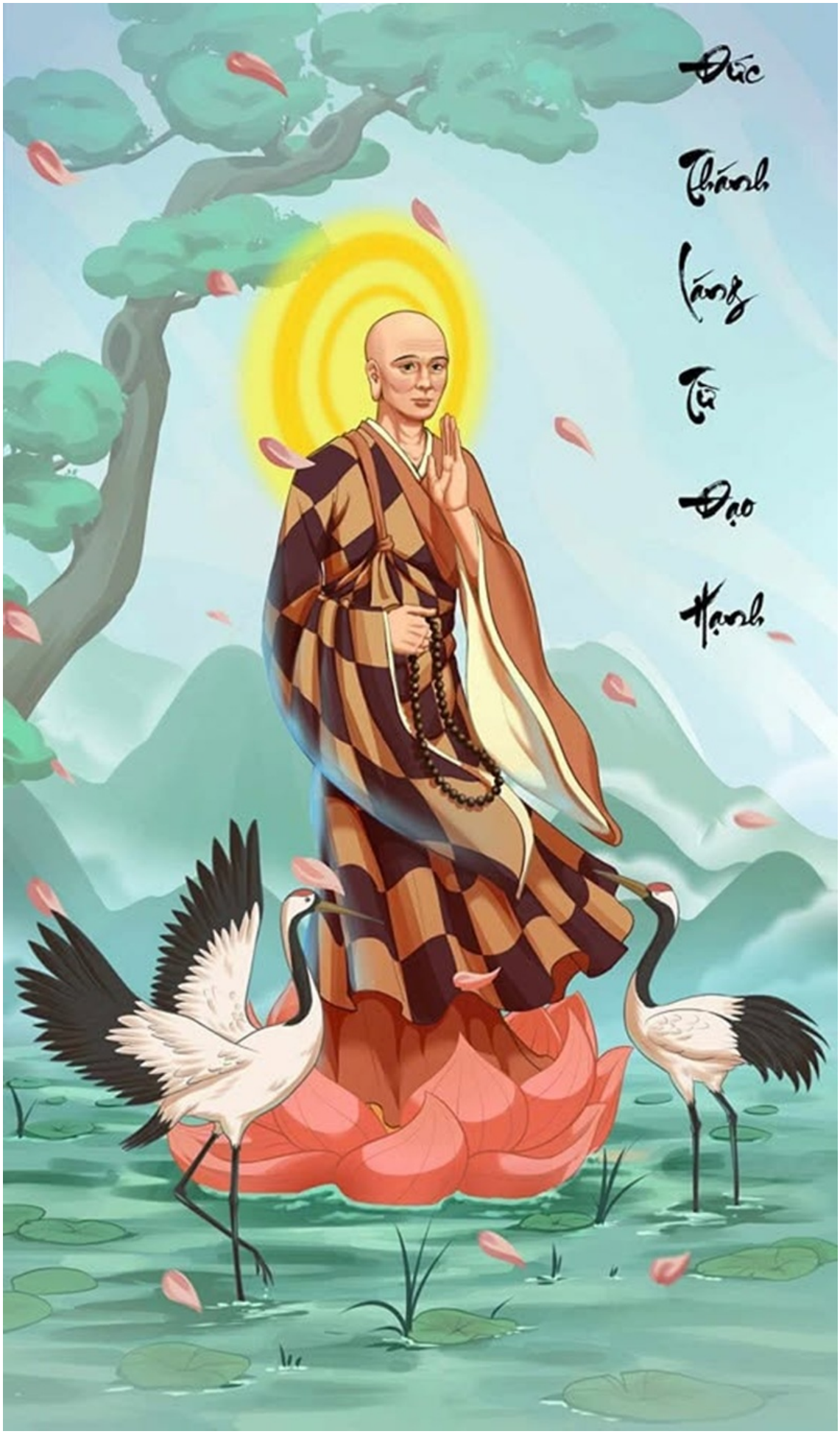
Tóm tắt: *Bài viết khảo sát hình tượng và môn đồ của **thiền sư Từ Đạo Hạnh** qua minh chuông chùa Thiên Phúc, Thiền uyển tập anh, An Nam chí nguyên cùng một số thần tích, ngọc phả và tư liệu nghi lễ địa phương. Các nguồn tư liệu cho thấy một hình tượng Từ Đạo Hạnh am tường tam giáo, tinh thông tam tạng thiền kinh, chứng lục thông, thực hành cứu dân và có quan hệ mật thiết với triều đình nhà Lý. Sự vắng mặt có hệ thống của trục truyện trả thù Đại Điên, Giác Hoàng và lời hứa với Sùng Hiền Hầu trong minh chuông chùa Thiên Phúc và Thụy Khuê xã sự tích đặt ra vấn đề về quá trình hình thành dị bản.*

Trọng tâm của bài viết là trường hợp Pháp Thông - Nương Tử trong Đại Thánh Pháp Thông Phật phả lục và khả năng liên hệ với thiền sư Thiền Nham. Những tương đồng về tên gọi, địa vực Trí Quả, chùa Thiên Phúc, năng lực cầu mưa và danh xưng Phật sống mở ra một tồn nghi đáng chú ý, nhưng chưa đủ để khẳng định hai nhân vật là một. Các dị bản về Quang Lang và Phạm Vũ Đại Pháp thiền sư tiếp tục cho thấy truyền kỳ Từ Đạo Hạnh đã vượt khỏi khuôn khổ một tiểu truyện cá nhân để trở thành trung tâm quy chiếu của dòng pháp và ký ức cộng đồng.

Từ khóa: Từ Đạo Hạnh, Pháp Thông, Thiền Nham, Đại Pháp, Tứ Pháp, truyền tích Phật giáo, ký ức cộng đồng.

1. Đặt vấn đề

Tư liệu về **thiền sư Từ Đạo Hạnh** hiện diện trong nhiều lớp văn bản: chính sử, thiền sử, minh văn, thần tích, ngọc phả, gia phả và nghi lễ phụng thờ tại các địa phương. Mỗi lớp tư liệu được hình thành trong một hoàn cảnh khác nhau, mang theo mục đích ghi chép và cơ chế kiến tạo ký ức khác nhau. Vì thế, những điểm trùng hợp giữa các văn bản có thể cung cấp dấu chỉ quan trọng, nhưng không tự động trở thành chứng cứ xác nhận một sự kiện hay sự đồng nhất nhân vật. Ngược lại, sự vắng mặt có hệ thống của một nhóm tình tiết cũng cần được xem xét như một dữ kiện văn bản học, giúp nhận diện quá trình hình thành và lưu truyền dị bản.



Ảnh minh họa (Facebook)

Bài viết tập trung vào ba vấn đề liên hệ chặt chẽ với nhau: hành trạng và hình tượng Từ Đạo Hạnh qua minh chuông chùa Thiên Phúc cùng Thiền uyển tập anh; những dị biệt và vắng mặt trong các truyền bản về sự kiện thác hóa. Trường hợp môn đồ Pháp Thông - Nương Tử và tồn nghi về khả năng đồng nhất với thiền sư Thiền Nham. Phần cuối mở rộng đối chiếu tới dị bản Quang Lang và Phạm Vũ Đại Pháp thiền sư, qua đó nhận diện vai trò của Từ Đạo Hạnh như một trung tâm quy chiếu của dòng pháp và ký ức cộng đồng.

Phương pháp được sử dụng là kiểm tra chéo chính sử - thiền sử - tư liệu dân gian, kết hợp khảo sát tên gọi, địa vực, niên đại, hành trạng và thiết chế phụng thờ. Thần tích, ngọc phả và ký ức lễ hội được sử dụng như một lớp cứ liệu bổ trợ. Các tư liệu này không được đồng nhất với biên niên sử, nhưng cũng không thể bị gạt bỏ, bởi chúng phản ánh quá trình cộng đồng lựa chọn, bảo lưu và thể chế hóa ký ức về nhân vật linh thiêng.

2. Hành trạng và hình tượng Thiền sư Từ Đạo Hạnh

Thiếu niên, Từ Đạo Hạnh là người hào hiệp, phóng khoáng, chí lớn phi phàm, hành động cử chỉ không ai có thể lường được. Đêm thì đọc sách, ngày thì đá cầu thổi sáo, kết bằng hữu với nhà nho Phí Sinh, đạo sĩ Lê Toàn Nghĩa và một người là nghệ sĩ (linh nhân) Vi Ất. Đó là những thông tin từ bản Từ Thánh Phụ sự tích. Bản Thụy Khuê xã sự tích và Thiền uyển tập anh cũng viết lại thông tin trùng khớp như trên.



Cầu Nguyệt Tiên, chùa Thầy (Hà Nội) - Ảnh: Minh Khang

Bên cạnh đó, Minh chuông chùa Thiên Phúc cho ta những thông tin khá nổi bật về thiền sư Từ Đạo Hạnh như sau:

Nay có Thiền sư Đạo Hạnh:

Tuổi nhỏ thanh tú khác thường,

Lớn lên thiên tư kỳ vĩ.

Khi tụng tập Liên kinh, tiếng ngọc vang sang sảng;

Lúc xuất gia độ chúng, tâm Phật thấm từ bi.

Từ Đạo Hạnh thi đỗ khoa Bạch Liên, thông tin từ bản Sự tích xã Thụy Khuê cho chúng ta biết, trong khoa thi này, Từ Đạo Hạnh đỗ thứ nhất. Tuy nhiên sau đó ngài không làm quan, xuất gia học đạo, trở thành một vị thiền sư am tường cả tam giáo, chứng đắc lục thông.

Những công hạnh Bồ tát của ngài thể hiện cụ thể qua các chi tiết được thiền sư Huệ Hưng đề cập: gặp đại hạn thì đốt tay cầu mưa; có dịch bệnh thì cứu dân bằng nước phép mà cắt hết mọi nguồn đau; việc chưa manh nha đều có thể tiên tri mà biết trước. Bên cạnh đó, ngài cũng thực hành nhịn ăn trong nhiều năm...

Văn chuông còn nhắc tới sự cảm hóa từ đức độ của thiền sư Từ Đạo Hạnh: Thầy ở lại chưa đầy mươi ngày, đã có sự cảm ứng: Hổ tới phục chầu, rồng kia thuần nết.

Bên cạnh những thông tin từ minh văn, các bài kệ của thiền sư Từ Đạo Hạnh được dẫn trong Thiền uyển tập anh cũng thể hiện cốt cách tư tưởng và khuynh hướng hành đạo của Ngài. Đây là những thông tin quan trọng tìm hiểu về tư tưởng thiền sư Từ Đạo Hạnh.

Thứ hai, minh chuông chép:

Ngự thư ban chiếu, Mời tới trai đàn.

Ban bảo y ngang bậc thượng bằng,

Lên xe Phật so hơn Tứ quả.

[...]

Cảm ơn thái hậu cùng chí nguyện,

Đã sai trung sứ tới tận chùa.

[…]

Các vương tử xe ngựa tới ồn ào, […]

Minh chuông do thiền sư Huệ Hưng soạn cho thấy thiền sư Từ Đạo Hạnh có mối quan hệ khá mật thiết với những nhân vật đầu triều như thái hậu Ỷ Lan, vua Lý Nhân Tông và các vương tử.

3. Những dị biệt và vắng mặt trong các truyền bản về sự kiện thác hóa

Khảo qua một số tư liệu, chúng tôi nhận thấy, chuyện Từ Đạo Hạnh trong Lĩnh Nam chích quái, tiểu truyện Thiền sư Từ Đạo Hạnh trong Thiền uyển tập anh và bản chùa Láng (An Lãng Chiêu Thiền Tự Từ Đạo Hạnh sự tích thực lục) về cơ bản giống nhau. Tựu chung lại, các truyền bản chép đều thống nhất chi tiết thiền sư đã thác hóa đầu thai làm con Sùng Hiền Hầu, hoàng đệ của vua Lý Nhân Tông và trở thành vị vua thứ 5 của triều đại nhà Lý, Lý Thần Tông. Tuy nhiên, một số sự việc hoàn toàn vắng mặt trong bản Thụy Khuê xã sự tích và trong Minh chuông chùa Thiên Phúc.

Cụ thể các sự kiện chính không hề được nhắc tới bao gồm:

1.. Trả thù pháp sư Đại Điên

2.. Bị hạ ngục và cầu xin Sùng Hiền Hầu cứu mạng

3.. Sự kiện về bé Giác Hoàng

4.. Thác hóa, đầu thai làm con Sùng Hiền Hầu vì để “tạ ơn cứu mạng”

Sự vắng mặt có hệ thống của các chi tiết trên trong một số tư liệu sớm như Minh chuông chùa Thiên Phúc và Sự tích xã Thụy Khuê cho phép nhận định về quá trình hình thành dị bản trong dân gian đã có sự bổ sung nhất định.

4. Môn đồ của thiền sư Từ Đạo Hạnh trong tư liệu lịch sử và dân gian

Đây là một số thông tin bổ sung mà chúng tôi muốn đề cập về môn đồ và miêu duệ của thiền sư Từ Đạo Hạnh qua việc kiểm tra chéo chính sử - thiền sử - tư liệu dân gian (ngọc phả/thần tích/ gia phả).

4.1. Trường hợp Pháp Thông - Thiền Nham

Thông tin về đệ tử của thiền sư Từ Đạo Hạnh, chính sử cho biết có một vị Quốc sư Minh Không, người đã được ký thác chữa bệnh cho hậu thân của Thánh (tức vua Lý Thần Tông) 20 năm sau. Bên cạnh Quốc sư Minh Không, Thánh Từ Đạo Hạnh còn có một đệ tử được ban áo tía (tử y), là thiền sư Huệ Hưng, người chấp bút soạn bài minh trên chuông chùa Thiên Phúc.

Tuy nhiên, bản Đại Thánh Pháp Thông Phật phả lục xã Đại Trạch, thôn Xuân Quan, Siêu Loại, Bắc Ninh lại cung cấp một thông tin thú vị về một đệ tử nữ.

Phả chép:

Đến năm 14 tuổi dì muốn gả chồng, Nương Tử không nghe từ đó phát tóc xuất gia, trai giới ăn theo Phật. Một ngày nghe tin ở chùa Phật Tích có một vị thiền sư tên là Từ Đạo Hạnh rất là cao tăng đạo đức. Nương Tử xin vào học đạo thiền sư. Nương Tử vốn đã biết trước tất cả những kinh nhà Phật, nên chỉ học trong vài tháng, đã đại tinh thông những tài lạ. Gọi gió, gọi mưa, có phép hay làm sấm, chớp, biến tướng tàng hình, đi và đến mọi người không thể biết. Thật là một người Nương Tử siêu việt, đạo sĩ, thiền sư rất yêu mến kính trọng, cho nên Nương tử tự đặt tên là Pháp Thông.

Nương Tử đã học đắc đạo trở về Xuân Lan Thôn, tự mình làm lấy một chùa ở tại đầu thôn để tu ngày đêm, trai giới tụng niệm chân kinh. Xuân Lan, Đại Trạch nội ngoại hai thôn, những người nghèo đều được giúp đỡ. Những người ốm đau điều được cứu chữa nên nhân dân hai thôn nhớ công đức ấy, quý như mặt trăng, mặt trời, thân như cha mẹ.

Năm ấy ngày 15 tháng 8, Nương Tử tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo, thiết lập hương án trước sân, đốt hương cầu khấn tụng niệm chân kinh, đêm mùa thu trời quang trăng tỏ chợt có đám mây đen ở trên đầu hạ xuống một thoáng. Trời đất tối đen mưa gió ào ào, sấm chớp ầm ầm, Nương Tử biến vậy, năm đó Nương Tử 18 tuổi. Nương Tử hóa, chỉ còn quần áo cũ để lại. Nhân dân biết rõ sự việc đều cảm công đức của Nương Tử, bèn đem quần áo cũ của Nương Tử táng tại trong chùa, tạo thần tượng. Tả thần hiệu, viết Pháp Thông Phật. Nhận ngôi chùa ấy làm đền thờ.

Như vậy, Nương Tử được tôn xưng thần hiệu: Đại Thánh Pháp Thông vương Phật chính là đệ tử của thiền sư Từ Đạo Hạnh.

4.2. Pháp Thông Vương Phật trong ký ức và nghi lễ địa phương

Thần tích của làng Xuân Quan ghi Pháp Thông Vương Phật là “Trưởng Tứ Pháp” đứng đầu Tứ Pháp và “làm chủ tể địa phương này”.

Các ghi chép trong thần tích về sự linh hiển của Thánh trong trận chiến chống quân Nguyên thời Trần cho biết, Pháp Thông Phật âm phù cho quân ta thắng trận. Ngài hiển linh và nói: Ta là Đại Thánh Pháp Thông Vương Phật, Ngọc Hoàng sai ta coi giữ tứ Pháp trưởng, Phong Vũ chi Thần, làm chủ tể địa phương này. Thấy nước nhà có giặc Nguyên xâm lược, vua sai quan quân đi đánh, ta nguyện giúp đỡ để thấy rõ sự linh ứng.

Lễ hội làng khi rước kiệu Tứ Pháp đến chùa Dàn (thờ Pháp Lôi) thì kiệu không dừng, phải đón đến Dàn Chợ, nơi có Pháp Thông.

Thiền sư Từ Đạo Hạnh trước khi thác hóa để chuyển kiếp làm quốc vương đã dặn dò môn đồ: Túc nhân ta chưa hết, còn phải ra đời lại, tạm làm quốc vương. Đến khi thọ chung, lại làm thiên tử trên cõi trời Tam thập tam. Nếu thấy chân thân hư nát, thì lúc ấy ta mới vào niết bàn, không ở cõi sinh diệt nữa.



Lầu bát giác chùa Láng (Hà Nội) - Ảnh: Minh Khang

Lời dặn này gián tiếp cho biết, thiền sư chính là một kiếp thân của vua trời Đế Thích. Một học trò ưu tú của Đế Thích làm trưởng Tứ Pháp (Pháp trưởng Phong Vũ chi thần) là điều hợp lẽ.

Sớ tế Đại Thánh Pháp Thông Vương Phật tại chùa Huệ Trạch sử dụng trong các lễ hội của Thánh có lời thỉnh:

- Nam Mô Đại Thánh Pháp Thông Vương Phật (sắc phong Liên phù gia tặng túy mục dực bảo trung hưng thượng đẳng thần thông liên tọa hạ)

- Nam Mô Thánh Tử Vương Phật (Liên tọa hạ)

- Nam Mô Thập Phương thường trụ tam bảo nhất thiết chư Phật Bồ tát Kim Liên tọa hạ, Tam giới thánh chủ, Tứ Phủ Vạn Linh, Công Đồng Thánh Đế Ngọc bệ hạ

- Nam Mô Tổ Sư Từ Đạo Hạnh Bồ tát thiền tọa hạ

- Nam Mô A Man Nương Bồ tát thiền tọa hạ

- Nam mô Thánh phụ...

Lời thỉnh cho thấy, thiền sư Từ Đạo Hạnh được tôn xưng là Tổ sư, cùng với Phật mẫu Man Nương. Đặc biệt, sau đức Pháp Thông Vương Phật còn có một người được ghi trong lời thỉnh: Thánh Tử Vương Phật. Thánh tử, phải chăng là con của đức Pháp Thông Vương Phật?

Cần nói thêm, việc phụng tự Đại Thánh Pháp Thông Vương Phật được khởi xướng bởi dân làng từ triều nhà Lý. Thời Trần, con trai của Trần Hưng Đạo là Trần Hưng Hồng đã nhận được âm phù bởi sự hiển linh của Thánh giúp thắng trận trong cuộc chiến chống quân Nguyên. (Trần Hưng Hồng được sắc phong: Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu; Hộ bộ thượng thư, kiêm chỉ khu mật, thái bảo kiêm quốc công.)

Nhờ sự xác tín của Trần Hưng Hồng, vua ban sắc chỉ cho dân tế lễ, sửa sang tượng Phật Pháp Thông, phụng sự về sau. Sắc phong đời đời hương hỏa, muôn đời không bao giờ dứt chuẩn cho Phương Lan xã, Xuân Quan thôn, Đại Trạch xã, Tứ Kỳ thôn, Ư Trì thôn đồng phụng sự. Trần Hưng Hồng được phụng thờ làm thành hoàng làng Đại Trạch.

Đây là một ghi nhận quan trọng về Pháp Thông Đại Thánh và Trần Hưng Hồng, con trai Trần Hưng Đạo tại vùng Trí Quả. Công lao, hành trạng của chư vị được phụng thờ và bảo tồn một cách bền vững trong ký ức cộng đồng địa phương qua hàng ngàn năm, thể hiện qua một hệ thống tư liệu sống gồm sự tích, thiết chế thờ tự (đền – chùa), sắc phong, lễ hội và khoa nghi.

4.3. Những điểm tương đồng giữa Pháp Thông và Thiền Nham

Tuy thế, Thiền uyển tập anh còn một chi tiết đáng lưu ý. Tiểu truyện của thiền sư Thiền Nham cho biết:

Thiền sư Thiền Nham (1093-1163), Chùa Trí quả, làng Cổ Châu, Long Biên. Người Cổ Châu, họ Khương, tên Thông. Dòng dõi Tăng quan, mặt mày sáng sủa, tán tụng trong hay. Thường tập môn Tổng trì Đà la ni (dhāranī), xây lưng mà đọc, không sót một chữ.

Trong khoảng Hội Phong (1092-1100), Sư ứng thí kinh Pháp hoa và Bát nhã tại điện vua, đều trúng Giáp khoa. Sau nhờ một lời của Pháp Y, chùa Thành Đạo mà được ấn khả, Sư nhân thế xuất gia. Lúc đầu, Sư đến ở chùa Thiên Phúc, núi Tiên

Du, giới hạnh tinh nghiêm, đạo tâm rộng lớn, ăn lá cây uống nước suối, trải đến sáu sương. Sau đó, Sư trở về làng mình, trùng tu lại chùa Trí Quả mà trụ trì. Trong khoảng Đại thừa (1128-1132), trời hạn. Vua mời Sư đến kinh cầu mưa thì tức có hiệu nghiệm. Vua phái làm danh tăng, ban cho áo ngự. Mỗi khi nhà nước có cầu đảo, Sư đều làm chủ.

Tháng Hai năm Chính Long Bảo Ứng thứ nhất (1163), giữa ban ngày sư đốt hương vĩnh quyết tăng chúng, rồi trang nghiêm qua đời, thọ 71 tuổi. Hình xác đến nay vẫn còn. Người đương thời thường gọi sư là Phật sống. Về sau tuy gặp binh hỏa, di thế sư vẫn không bị hư hại.

An Nam chí nguyên 3, tờ 210 viết: “Thiền sư Thiền Nham là vị sư huyện Siêu Loại, giới hạnh tinh nghiêm, ăn lá cây, uống nước suối, xác chết rồi vẫn còn tươi như khi sống. Người bấy giờ gọi là Phật sống”.

Trí Quả hiện được biết là tên của một vùng có các xã: Trà Lâm, Tư Thế, Phương Quan, Xuân Quan và Văn Quan. Tại nơi này có hai ngôi chùa thường được gọi chùa Dàn. Đó là chùa Dàn Xuân Quan (Huệ Trạch tự) và chùa Dàn Câu (Trí Quả - Phương Quan). Chùa Dàn Câu thờ Đại Thánh Pháp Điện Phật, chùa Huệ Trạch (Xuân Quan) thờ Đại Thánh Pháp Thông Vương Phật. Các làng Đại Trạch, Ô Trì (xã Đình Tổ) cũng thờ Phật Pháp Thông.

Từ thông tin của Thiền uyển, một số điểm tồn nghi được đặt ra sự tương đồng với học trò Nương Tử - Pháp Thông của thiền sư Từ Đạo Hạnh như sau:

1. Thiền Nham và Nương Tử đều có danh xưng có chữ Thông (Thiền Nham tên Khương Thông, Nương Tử được đặt pháp hiệu: Pháp Thông).

2. Cả hai vị đều đến học đạo ở Thiên Phúc (Thiền uyển tập anh cho biết, thiền sư Thiền Nham học đạo ở Thiên Phúc Tiên Du, đây có thể là một nhầm lẫn với chùa Thiên Phúc vùng Quốc Oai). Khoảng thời gian 14 tuổi xuất gia học đạo của Nương Tử/Thiền Nham chính là lúc thiền sư Từ Đạo Hạnh đang ở tại Thiên Phúc tự (1115).

3. Thiền sư Thiền Nham và Nương Tử sau khi đắc đạo đều trở về chùa làng (Thiền Nham được cho là về Trí Quả, Nương Tử về làm một ngôi chùa cũng tại vùng Trí Quả có tên Huệ Trạch) trụ trì.

4. Thần tích cho biết Nương tử cũng có tài cầu mưa và trở thành Pháp Thông - trưởng Tứ Pháp. Đây là một điểm trùng khớp hoàn toàn với thiền sư Thiền Nham, ngài cũng trở về Trí Quả, cầu mưa ứng nghiệm và đều được vua Lý Thần Tông mời vào trong các lễ cầu đảo.

5. Thiền sư Thiền Nham được ghi nhận, khi sư Thiền Nham qua đời, Người đương thời thường gọi sư là Phật sống. Đây cũng là điểm tương đồng đáng chú ý với sự tôn xưng Pháp Thông Vương Phật dành cho Pháp Thông – đệ tử thiền sư Từ Đạo Hạnh.

Điều thú vị là minh văn trên Huệ trạch tự chung (chuông chùa Huệ Trạch) soạn năm Minh Mạng thứ 7, cho biết: Vị sư trụ trì chùa cùng toàn bộ dân thôn tại huyện Siêu Loại đã góp công đúc quả chuông được ghi với danh xưng: Thiền tăng sa di ni Thích Minh Minh. Điều này có nghĩa là cho tới thời vua Minh Mạng, một vị thiền tăng hoàn toàn có thể là sa di ni.

Những sự trùng hợp đã liệt kê mở ra một khả năng, rất có thể Thiền Nham thiền sư và người học trò xuất sắc Pháp Thông - Nương Tử là một người. Tuy nhiên, do tính dị bản trong dân gian nên đây là một tồn nghi và vẫn cần thêm cứ liệu để kết luận. Việc sử dụng các tư liệu dân gian và tín ngưỡng ở đây nhằm cung cấp một lớp cứ liệu bổ trợ, góp phần nhận diện những khả năng lịch sử chưa được hoặc chưa thể ghi nhận đầy đủ trong các văn bản chính thống.

4.4. Các dị bản liên quan đến nữ đệ tử và dòng Đại Pháp

Trong quá trình điền dã, chúng tôi tìm được bản ngọc phả làng Dịch Diệp của tổng Văn Lãng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định (bản lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm mang ký hiệu AE.A15/25). Ngọc phả cho biết, tại Lạc Sơn, Quốc Oai, có người con gái tên Quang Lang, 14 tuổi xuất gia tu hành tại chùa của thiền sư Từ Đạo Hạnh. Quang Lang sau một thời gian ở chùa và có thai (do thiền sư bước qua), nàng đã nhảy sông tự vẫn. Tuy nhiên sau đó được bà Vũ Thị cứu. Sau bảy tháng, cả Quang Lang và Vũ Thị đều sinh con trai. Quang Lang sinh con đặt tên là Phạn. Sau này, 3 người con của hai bà giúp vua Lý Nhân Tông đánh Chiêm năm 1092. Một trong hai con trai của Vũ Thị mất, được vua sắc phong Lậu Khê Đại Vương. Vị còn lại về triều nhận chức. Riêng ông Phạn (con Quang Lang) được vua phong Đại Vương, sắc phong là Sinh thần (thần sống), xuất gia năm 1112 (thời gian do người dân kể lại) và đổi tên là Phạm Vũ Đại Pháp thiền sư. Sau năm năm (1117), ông đi đến Sài Sơn đốt hương tiến cúng và mất tại đây vào ngày 7 tháng 3.

Tư liệu trên cho biết, ông cũng thuộc dòng Đại Pháp (dòng pháp của thiền sư Không Lộ). Ngày hóa trùng với ngày của Đại Điên thiền sư và ông cũng hóa tại Sài Sơn vào năm 1117.

Điều lạ là nàng Quang Lang và Nương Tử là nữ nhưng cùng đến xuất gia năm 14 tuổi tại chùa của thiền sư Từ Đạo Hạnh (cả hai bản đều ghi nhầm một thông tin

giống nhau, đó là ngôi chùa Phật Tích tại Tiên Du). Trong đó, một người trở thành môn đồ nối pháp – pháp trưởng Tứ Pháp còn một người lại sinh con, sau này xuất gia và tu theo dòng Đại Pháp.

Bên cạnh đó, thông tin đáng chú ý tiếp theo, con của Quang Lang sau khi xuất gia năm 1112, ông cũng mất tại Sài Sơn năm 1117 vào ngày mùng 7 tháng 3.

Những dị bản này, dù còn nhiều điểm cần kiểm chứng nhưng nó cũng đủ cho chúng ta mở ra một góc nhìn khá mới mẻ về thiền sư Từ Đạo Hạnh.

5. Thảo luận

Các tư liệu không ngang nhau về niên đại và giá trị chứng minh: minh chuông chùa Thiên Phúc, Thiền uyển tập anh gần Phật giáo trung đại; thần tích, ngọc phả, sớ tế, lễ hội là sản phẩm tái cấu trúc về sau. Tương đồng Pháp Thông - Thiền Nham (tên Thông, Trí Quả, Thiên Phúc, cầu mưa, Phật sống) vì thế chỉ là một tổ hợp dấu chỉ, đủ đặt vấn đề chứ chưa xóa được khác biệt về giới tính, phả hệ, niên đại, truyền thừa.

Đáng chú ý hơn là mạng lưới ký ứcquanh Ngài: Pháp Thông trong hệ Tứ Pháp, Thiền Nham với Tổng trì Đà la ni và lễ cầu đảo, Phạm Vũ với dòng Không Lộ, dấu hiệu các cộng đồng quy tụ Phật, thiền sư, pháp sư, thần linh vào một không gian truyền thừa chung hơn là cùng phản ánh một sự kiện gốc. Việc trục Đại Điên - Giác Hoàng vắng mặt trong minh chuông và Thụy Khuê xã sự tích cũng vậy: một phía ghi công phu tu học, cứu độ, quan hệ triều đình; phía kia là dòng pháp và ký ức thờ phụng, cùng làm rõ hành trình từ thiền sư lịch sử đến Thánh tổ.

6. Kết luận

Minh chuông chùa Thiên Phúc, Thiền uyển tập anh và các bản sự tích cho thấy hình tượng Từ Đạo Hạnh không kiến tạo quanh sự kiện thác hóa, mà quanh tư chất khác thường, học vấn tam giáo, lục thông, công hạnh cứu dân và quan hệ với vương triều. Nhiều tình tiết quen thuộc vắng mặt có hệ thống, cho thấy tiểu sử truyền kỳ đã được bổ sung, tái cấu trúc.

Pháp Thông - Thiền Nham vẫn là tồn nghi có cơ sở: chưa thay được chứng cứ trực tiếp, nhưng làm hiện một địa vực truyền thừa quanh Trí Quả, Thiên Phúc, Tứ Pháp, lễ cầu đảo, được dị bản Quang Lang - Phạm Vũ nối với dòng Đại Pháp, Sài Sơn.

Vì vậy, thần tích, ngọc phả, lễ hội, thờ tự cần đối chiếu với minh văn, thiền sử, chính sử: gặp gỡ giữa các nguồn khác loại ấy làm hiện ký ức về môn đồ, dòng pháp chưa được ghi đủ trong chính văn, đưa truyền kỳ Từ Đạo Hạnh thành trung tâm quy chiếu của một mạng lưới lịch sử - tôn giáo rộng hơn.

Tác giả: **Thích Tâm Hiệp**

Bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Phật học bản in Số tháng 11/2026

Chú thích:

(1) Bài viết phát triển từ một phần kết quả nghiên cứu trong bản thảo chuyên khảo Đại Thánh Từ Đạo Hạnh - Tập I: Chùa Thầy, thánh tích và sử liệu của tác giả (sắp xuất bản); nội dung đã được tái cấu trúc và bổ sung theo thể thức bài nghiên cứu độc lập.

1. Tên văn bản và bản dịch các đoạn dẫn được giữ theo bản thảo.

2. Về niên đại "□□□ " trong truyện Thiền sư Thiền Nham: Thiền uyển tập anh ghi sư ứng thí kinh Pháp Hoa và Bát nhã tại điện

vua vào khoảng Hội Phong (1092-1100), trong khi tư liệu cũng ghi Thiền Nham sinh năm 1093. Như vậy niên đại khoa thi có sự bất hợp lý và cần được coi là một tồn nghi văn bản học.

3. Dẫn văn An Nam chí nguyên về Thiền Nham được sử dụng theo Lê Mạnh Thát, Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, tr. 459.

4. Chi tiết trong thần tích không nhất thiết phản ánh trực tiếp sự kiện lịch sử; tuy nhiên, nó có giá trị gợi ra những dấu chỉ liên hệ tới nhân vật và quá trình kiến tạo hình tượng linh thiêng.

5. Huệ trạch tự chung ghi: Minh Mạng thất niên, nhị nguyệt, nhị thập cát nhật viên thành ký; tức ngày 20 tháng 2 năm 1826, năm Minh Mạng thứ 7. Người ghi là Nguyễn Đức Mậu, xã Trà Lâm.

6. Các thông tin về việc Trần Hưng Hồng được âm phù và hệ thống làng xã phụng thờ Pháp Thông thuộc lớp ghi chép của thần tích địa phương; cần tiếp tục đối chiếu với chính sử, sắc phong và tư liệu dòng họ trước khi dùng để xác lập hành trạng lịch sử.

7. Bản ngọc phả làng Dịch Diệp, tổng Văn Lãng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định hiện lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AE.A15/25. Các mốc 1092,

1112 và 1117 trong bản kể cần được kiểm tra trong quan hệ với niên đại nhân vật và bối cảnh triều Lý.

Tài liệu tham khảo:

1. An Lãng Chiêu Thiền tự Từ Đạo Hạnh sự tích thực lục. Tư liệu Hán Nôm lưu tại chùa Láng.

2. An Nam chí nguyên □□□□ . Quyển 3, tờ 210.

3. Đại Thánh Pháp Thông Phật phả lục. Tư liệu thần tích xã Đại Trạch, thôn Xuân Quan, Siêu Loại, Bắc Ninh.

4. Huệ Trạch tự chung □□□□ . Minh văn chuông chùa Huệ Trạch, năm Minh Mạng thứ 7, 1826.

5. Lê Mạnh Thát. 2021. Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Hồng Đức.

6. Lĩnh Nam chích quái □□□□ . Phần truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không.

7. Ngọc phả làng Dịch Diệp, tổng Văn Lãng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AE.A15/25.

8. Sơn Tây tỉnh Quốc Oai phủ Yên Sơn huyện Lật Sài tổng Thụy Khuê xã thần tích. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AE.10/24.

9. Thiền uyển tập anh □□□□ . Các tiểu truyện thiền sư Từ Đạo Hạnh và Thiền Nham.

10. Thiên Phúc tự hồng chung minh văn □□□□□□□ . Minh chuông chùa Thiên Phúc do thiền sư Huệ Hưng soạn.